

QUAN NIỆM VỀ DÂN TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG - SỰ CHẮT LỘC TINH TÚY TRUYỀN THỐNG, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

GS, TS. NGUYỄN HÙNG HẬU^(*)

Tóm tắt: Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng quan niệm: “dân là gốc”, dân là chủ thể, dân là trung tâm; dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng; từ đó, chủ trương thân dân, tin dân, trọng dân, gần dân, sát dân, hiểu dân, yêu dân, kính dân, vì dân. Đây là sự chặt lọc tinh túy truyền thống lịch sử; sự bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh lên một tầm cao mới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế của thời đại.

Từ khóa: quan niệm về dân; truyền thống dân tộc; tư tưởng Hồ Chí Minh

Từ khi ra đời cho đến nay, Đảng luôn chủ trương “lấy dân làm gốc”, “dân là gốc”. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước lấy dân làm gốc”⁽¹⁾; “Gốc có vững cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”⁽²⁾. Theo Người, dân không chỉ là gốc, là nền móng, mà dân còn là chủ. Qua các kỳ Đại hội Đảng, tư tưởng này ngày càng được bổ sung, phát triển, cụ thể, rõ ràng hơn. Đặc biệt, trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, tư tưởng về dân đã có bước phát triển mới về chất, hệ thống hơn. Chắt lọc tinh túy từ truyền thống lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII, Đảng rút ra bài học: “Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán

triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân”⁽³⁾. Nghiên cứu quan niệm về dân trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, có thể rút ra một số nội dung quan trọng sau:

1. “Dân là gốc”

“Dân là gốc”, dân vốn là gốc, chứ không phải “lấy dân làm gốc”. Trong truyền thống có hai mệnh đề: “Dân vi bang bản” (dân là gốc nước) và “Dĩ dân vi bản” (lấy dân làm gốc). Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585) cho rằng, xưa nay nước phải lấy dân làm gốc, “muốn giữ

^(*) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

được nước, cốt phải được lòng dân” (cổ lai quốc dĩ dân vi bản, đắc quốc ứng trị tại đắc dân). Điểm khác nhau của hai mệnh đề này, một mặt, dân vốn là gốc của nước nghiêng về tự nhiên; mặt khác, lấy dân làm gốc đã có sự can thiệp của lý trí con người. Đi sâu phân tích có thể thấy, chủ thể “Dĩ dân vi bản” (lấy dân làm gốc) chính là bọn vua chúa phong kiến. Vì vậy, Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước lấy dân làm gốc”; “Gốc có vững cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”. Quan điểm “dân là gốc” theo Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, một mặt, là sự chất lọc tinh hoa truyền thống lịch sử; mặt khác, là sự kế thừa, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Cần lưu ý, hiện nay, trên các phương tiện thông tin đại chúng vẫn còn dùng từ “lấy dân làm gốc” là không còn phù hợp, không chính xác.

Đi sâu phân tích có thể thấy, quan niệm về dân của Hồ Chí Minh có sự khác xa so với Nho giáo cũng như truyền thống lịch sử. Theo quan niệm của Nho giáo, dân (nhìn chung và cơ bản) là người bị trị, là lực lượng bị động, thiếu sức sáng tạo. Đến các nhà tư tưởng Việt Nam thì quan niệm về dân tiến bộ hơn, phần nào nhìn ra sức mạnh, sự sáng tạo của dân. Trần Quốc Tuấn khi nhìn về dân, vẫn có cái nhìn của người từ trên cao nhìn xuống, đặc biệt đối với binh lính, quân sĩ, chứ không phải là ngang hàng, bình đẳng. Nguyễn Trãi có tiến bộ hơn, khái niệm dân được mở rộng hơn bao gồm cả những người nghèo khổ, lao động bình thường, là lực lượng to lớn. Tuy nhiên, Nguyễn Trãi vẫn chỉ dừng lại ở cách nhìn chung chung, chưa thấy sức mạnh toàn diện, vai trò và vị trí của dân. Chỉ đến Hồ Chí Minh, trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, cách nhìn nhận về dân đã có sự thay đổi về chất. Hồ Chí Minh cho rằng, dân chính là nhân dân, quần chúng, đồng bào, dân là động lực của lịch sử, là lực lượng vô địch, là nguồn sáng tạo bất tận: “Quần chúng tức là toàn thể chiến sĩ trong quân đội, toàn thể công nhân trong xưởng, toàn thể nhân viên trong cơ quan, v.v., rồi

đến toàn thể nhân dân”⁽⁴⁾. Hồ Chí Minh quan niệm: trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Vì vậy, quan điểm “dân là gốc” được nêu trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng là sự chất lọc, kết tinh tinh túy nhất của truyền thống lịch sử, đồng thời bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh lên một tầm cao mới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng của thời đại.

2. Dân là chủ thể

Dân không chỉ là gốc, mà dân còn là chủ thể. Trong lịch sử, từ Tuân Tử đến Nguyễn Trãi đều cho dân như nước, chính quyền, chế độ, nhà nước như thuyền, nước có thể chở thuyền mà cũng có thể lật thuyền. Hồ Chí Minh cũng quan niệm như vậy, nhưng khái niệm về “dân”, “nhà nước” của Người có sự khác hoàn toàn về chất so với những người đi trước. Nhà nước ở đây không phải đứng trên dân mà nhìn xuống, nhà nước ở đây là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Ở Hồ Chí Minh, có một hình ảnh khá cụ thể, sinh động: dân như nước, chính quyền (nhà nước) như thuyền, Đảng là người cầm lái, chủ nghĩa là trí khôn, la bàn: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”⁽⁵⁾. Trong tác phẩm *Dân vận* (năm 1949), Hồ Chí Minh giải thích: Nước dân chủ là bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Hiến pháp của nước ta quy định: tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở: “Chính phủ ta là một Chính phủ

làm dày tớ của nhân dân, một lòng một dạ phục vụ nhân dân”⁽⁶⁾. Như vậy, dân không chỉ là gốc, là nền móng, mà dân còn là chủ. Do đó, mục đích xây dựng nước Việt Nam không chỉ độc lập, mà còn tự do, hạnh phúc và dân chủ. Vì vậy, việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm; việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Đảng chỉ rõ, mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức phải phục vụ lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu, phải thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng cho rằng, dân là chủ thể: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ. Cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức xã hội. Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽⁷⁾.

Như vậy, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã có sự chất lọc, kết tinh tinh túy nhất của truyền thống lịch sử, đồng thời bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh lên một trình độ mới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng của thời đại. Tuy nhiên, trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng cũng chỉ ra: “Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức”⁽⁸⁾.

3. Dân là trung tâm

Dân không chỉ là gốc, là chủ, mà dân còn là trung tâm. Tư tưởng này đã có ở Hồ Chí Minh, nhưng chỉ đến Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng mới chỉ ra một cách

ngắn gọn, cô đọng, rõ ràng: “Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân”⁽⁹⁾; “Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”⁽¹⁰⁾; Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ. Mục đích của Đảng và Nhà nước là hướng đến cái trung tâm, xoay quanh cái trung tâm này, tức là hướng đến người dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân: “Trước sau như một, Đảng luôn luôn vì lợi ích của nhân dân nói chung và của nông dân nói riêng mà phấn đấu. Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác”⁽¹¹⁾. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng chủ trương thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước của mọi người dân Việt Nam. Phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại. Bảo đảm cung cấp và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là đối với người nghèo, người yếu thế trong xã hội, quan tâm chăm sóc bảo vệ sức khỏe của nhân dân. Xuyên suốt Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, vị trí chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân thể hiện rõ trên mọi lĩnh vực: (1) Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước; (2) Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, quyền và trách nhiệm của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây

dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức; có cơ chế giải phóng mọi tiềm năng, sức mạnh, khả năng sáng tạo, động viên nhân dân tham gia phát triển kinh tế và quản lý phát triển xã hội; (3) Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp nhân dân; (4) Thực hiện đúng, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở; (5) Chống các biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức; (6) Đẩy mạnh việc hoàn thiện, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, hiện đại, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, có sức cạnh tranh quốc tế, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới⁽¹²⁾.

4. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng

Trước Đại hội lần thứ XIII, Đảng mới chỉ nói: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, nhưng đến Đại hội lần thứ XIII, Đảng bổ sung: dân giám sát, dân thụ hưởng; thông tin, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp nhân dân phải bảo đảm công khai, minh bạch. Trong tác phẩm *Dân vận*, Hồ Chí Minh cho rằng, bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân thi hành. Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân. Khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng. Hồ Chí Minh chủ trương lấy dân để làm lợi cho dân; đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân. Triết lý này thể hiện sự sáng tạo của Hồ Chí Minh. Cán bộ, các cơ quan chính quyền chỉ là người tổ chức, chỉ đường, dẫn lối, còn tất cả là ở người dân.

Mục đích của chủ trương, đường lối, suy cho cùng là vì dân. Do đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: phải dựa vào dân, lấy ở dân. Điều này có một số điểm giống với triết lý vô vi của Lão Tử. Lão Tử cho rằng, người giỏi cai trị là trị dân, nhưng dân không biết có người trị, ở trên dân mà dân không thấy nặng, làm như không làm, không làm nhưng không có gì là không làm (vô vi nhi vô bất vi). Điều này hoàn toàn khác với cách làm hữu vi, tức làm để phô trương, khoe khoang, kể công, hình thức. Cùng với triết lý lấy sức dân làm lợi cho dân, Người còn đưa ra triết lý lấy quần chúng giáo dục quần chúng vô cùng thâm sâu vi tế. Lần đầu tiên trong Văn kiện của Đảng nói đến “nâng cao chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”. Do đó, “phát triển toàn diện con người Việt Nam” đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, mục đích cuối cùng là dân thụ hưởng.

Quan điểm chỉ đạo thứ ba trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng là phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng sức dân, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài. Định hướng thứ tư phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 chỉ rõ phải phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước. Định hướng thứ chín trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng chủ trương thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể

của nhân dân; tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới; từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam; có cơ chế, chính sách, giải pháp để xây dựng môi trường văn hóa thật sự trong sạch, lành mạnh, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của nhân dân; phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng; bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thực hiện đúng, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở.

Mặt khác, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân; tạo môi trường, điều kiện làm việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển; có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung.

Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa, thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Tổ chức hiệu quả, thực chất việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên. Nhiệm vụ trọng tâm thứ tư và thứ năm trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chỉ ra: khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức

mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam; hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân.

Từ quan niệm về dân xuyên suốt trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII, Đảng chủ trương phải thân dân, tin dân, trọng dân, gần dân, sát dân, hiểu dân, yêu dân, kính dân, vì dân; gắn với phương châm mà Hồ Chí Minh đã chỉ ra: óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm□

(1) và (2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.501 và 502

(3), (7), (8), (9), (10) và (12) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.96-97, 173, 89, 176, 177 và 51

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.7, Sdd, tr.362

(5) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Sdd, tr.64

(6) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.15, Sdd, tr.227

(11) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.13, Sdd, tr.210